

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án: Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 trạm y tế xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 09/7/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang;*

*Căn cứ Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 trạm y tế xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;*

*Căn cứ Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư đợt 1 năm 2023 (nguồn vốn ngân sách tỉnh);*

Theo đề nghị Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tại Tờ trình số 12/TTr-BQLDADDCN ngày 07/3/2023; của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 50/TTr-SXD ngày 17/3/2023.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án: Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 trạm y tế xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, với các nội dung sau:

**1. Tên dự án:** Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 trạm y tế xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

**2. Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang.

**3. Chủ đầu tư:** Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Bắc Giang.

**4. Mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư xây dựng:**

4.1. Mục tiêu đầu tư:

Đầu tư xây dựng công trình Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 08 trạm y tế xã trên địa bàn tỉnh nhằm đáp ứng đầy đủ về cơ sở hạ tầng đạt chuẩn thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, quản lý hồ sơ sức khỏe, theo dõi quản lý và điều trị một số bệnh không lây nhiễm... đáp ứng như cầu khám, chữa bệnh ban đầu của Nhân dân trên địa bàn xã.

4.2. Quy mô đầu tư xây dựng:

Đầu tư xây dựng mới 08 công trình y tế và các hạng mục phụ trợ tại các huyện: Lục Ngạn, Lục Nam và Tân Yên, gồm: Trạm y tế xã Phượng Sơn, Trạm y tế xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn; Trạm y tế xã Chu Điện, Trạm y tế Lan Mẫu, Trạm y tế xã Bình Sơn, huyện Lục Nam; Trạm y tế xã Ngọc Châu, Trạm y tế xã Đại Hóa, Trạm y tế xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên.

4.3. Giải pháp thiết kế cơ sở:

4.3.1. Trạm y tế xã Phượng Sơn, huyện Lục Ngạn:

- Công trình được thiết kế theo tiêu chuẩn công trình dân dụng cấp III, diện tích sàn khoảng 450m<sup>2</sup>. Mặt bằng hình chữ L kích thước cạnh dài 24,3m cạnh ngắn 17,4m; bước gian 3,6m, 3,3m; khẩu độ 5,4m; hành lang bên 1 phía rộng 1,8m; chiều cao tầng 1, 2 là 3,6m, chiều cao tới đỉnh mái là 9,45m (tính từ nền sân hoàn thiện). Kết cấu móng băng BTCT, hệ khung BTCT chịu lực (cột, dầm, sàn); tường xây gạch bê tông không nung vữa xi măng; cửa đi, cửa sổ dùng cửa nhôm hệ, kính an toàn dày 6,38mm; nền nhà lát gạch kích thước 600x600mm, khu vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước 300x300mm, tường ốp gạch men kính 300x600; tường, cột, dầm, trần trát VXM; mái lợp tôn, xà gồ thép, hoàn thiện sơn 3 nước. Thiết kế hệ thống cấp điện, internet, chống sét, cấp thoát nước, chống mối, điều hòa, hệ thống điện nhẹ (internet, camera), PCCC... đồng bộ hoàn chỉnh.

- Các hạng mục phụ trợ: Phần sân đổ sân bê tông có diện tích khoảng

147,67m<sup>2</sup>; phần sân, đường nội bộ lát gạch gồm 500x500mm với diện tích khoảng 305,5m<sup>2</sup>; xây dựng công, tường rào, hạ tầng kỹ thuật (hệ thống cấp thoát nước, khuôn viên cây xanh...), nhà xe với diện tích khoảng 58,5m<sup>2</sup>, lò đốt rác với diện tích khoảng 1,39m<sup>2</sup>.

4.3.2. Trạm y tế xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn (sử dụng thiết kế lặp lại công trình Trạm y tế xã Chu Điện, huyện Lục Nam):

- Công trình được thiết kế theo tiêu chuẩn công trình dân dụng cấp III, diện tích sàn khoảng 450m<sup>2</sup>. Mặt bằng nhà có hình chữ nhật có kích thước cạnh dài 30,6m, cạnh ngắn 10,2m (tính cả sảnh rộng 3m); bước gian 3,6m, 3,3m, khẩu độ 5,4m; hành lang rộng 1,8m; tầng 1, 2 cao 3,6m, mái cao 1,8m; tổng chiều cao tới đỉnh mái là 9,45m (tính từ nền sân hoàn thiện). Kết cấu móng đơn BTCT, hệ khung BTCT chịu lực (cột, dầm, sàn); tường xây gạch bê tông không nung vữa xi măng; cửa đi, cửa sổ dùng cửa nhôm hệ, kính an toàn dày 6,38mm; nền nhà lát gạch kích thước 600x600mm, khu vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước 300x300mm, tường ốp gạch men kính 300x600mm; tường, cột, dầm, trần trát VXM; mái lớp tôn, xà gồ thép, hoàn thiện sơn 3 nước. Thiết kế hệ thống cấp điện, internet, chống sét, cấp thoát nước, chống mối, điều hòa, hệ thống điện nhẹ (internet, camera), PCCC... đồng bộ hoàn chỉnh.

- Các hạng mục phụ trợ: Phần sân đổ sân bê tông có diện tích khoảng 513,6m<sup>2</sup>; phần sân, đường nội bộ lát gạch gồm 500x500mm với diện tích khoảng 546m<sup>2</sup>; xây dựng công, tường rào, hạ tầng kỹ thuật (hệ thống cấp thoát nước, khuôn viên cây xanh...), nhà xe với diện tích khoảng 56m<sup>2</sup>, lò đốt rác diện tích khoảng 1,39m<sup>2</sup>.

4.3.3. Trạm y tế xã Chu Điện, huyện Lục Nam:

- Công trình được thiết kế theo tiêu chuẩn công trình dân dụng cấp III, diện tích sàn khoảng 450m<sup>2</sup>. Mặt bằng nhà có hình chữ nhật có kích thước cạnh dài 30,6m, cạnh ngắn 10,2m (tính cả sảnh rộng 3m); bước gian 3,6m, 3,3m, khẩu độ 5,4m; hành lang rộng 1,8m; tầng 1, 2 cao 3,6m, mái cao 1,8m; tổng chiều cao tới đỉnh mái là 9,45m (tính từ nền sân hoàn thiện). Kết cấu móng đơn BTCT, hệ khung BTCT chịu lực (cột, dầm, sàn); tường xây gạch bê tông không nung vữa xi măng; cửa đi, cửa sổ dùng cửa nhôm hệ, kính an toàn dày 6,38mm; nền nhà lát gạch kích thước 600x600mm, khu vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước 300x300mm, tường ốp gạch men kính 300x600; tường, cột, dầm, trần trát VXM; mái lớp tôn, xà gồ thép, hoàn thiện sơn 3 nước. Thiết kế hệ thống cấp điện, internet, chống sét, cấp thoát nước, chống mối, điều hòa, hệ thống điện nhẹ (internet, camera), PCCC... đồng bộ hoàn chỉnh.

- Các hạng mục phụ trợ: Phần sân đổ bê tông có diện tích khoảng 385m<sup>2</sup>; phần sân, đường nội bộ lát gạch gồm 500x500mm với diện tích khoảng 498m<sup>2</sup>, xây dựng công, tường rào, hạ tầng kỹ thuật (hệ thống cấp thoát nước, khuôn viên cây xanh...), nhà xe diện tích 56m<sup>2</sup>, lò đốt rác diện tích khoảng 1,39m<sup>2</sup>.

4.3.4. Trạm y tế xã Lan Mẫu, huyện Lục Nam (sử dụng thiết kế lặp lại công trình Trạm y tế xã Chu Điện, huyện Lục Nam):

- Công trình được thiết kế theo tiêu chuẩn công trình dân dụng cấp III, diện tích sàn khoảng 450m<sup>2</sup>. Mặt bằng nhà có hình chữ nhật có kích thước cạnh dài 30,6m, cạnh ngắn 10,2m (tính cả sảnh rộng 3m); bước gian 3,6m, 3,3m, khẩu độ 5,4m; hành lang rộng 1,8m; tầng 1, 2 cao 3,6m, mái cao 1,8m; tổng chiều cao tới đỉnh mái là 9,45m (tính từ nền sân hoàn thiện). Kết cấu móng đơn BTCT, hệ khung BTCT chịu lực (cột, dầm, sàn); tường xây gạch bê tông không nung vữa xi măng; cửa đi, cửa sổ dùng cửa nhôm hệ, kính an toàn dày 6,38mm; nền nhà lát gạch kích thước 600x600mm, khu vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước 300x300mm, tường ốp gạch men kính 300x600; tường, cột, dầm, trần trát VXM; mái lớp tôn, xà gồ thép, hoàn thiện sơn 3 nước. Thiết kế hệ thống cấp điện, internet, chống sét, cấp thoát nước, chống mối, điều hòa, hệ thống điện nhẹ (internet, camera), PCCC... đồng bộ hoàn chỉnh.

- Các hạng mục phụ trợ: Sân nền toàn bộ khuôn viên bằng đất cấp 3 đến cao trình thiết kế trên diện tích khoảng 1.641,7m<sup>2</sup>, độ đầm chặt  $K \geq 85$ . Phần sân đổ sân bê tông có diện tích khoảng 416,9m<sup>2</sup>; phần sân, đường nội bộ lát gạch gồm 500x500mm có diện tích khoảng 489m<sup>2</sup>, xây dựng công, tường rào hoa sắt có chiều dài khoảng 45,6m tường rào gạch có chiều dài khoảng 83,1m, tường rào sắt có kết cấu móng xây gạch và tường rào gạch kết cấu móng xây đá học, hạ tầng kỹ thuật (hệ thống cấp thoát nước, khuôn viên cây xanh...); nhà xe diện tích 56m<sup>2</sup>, lò đốt rác diện tích khoảng 1,39m<sup>2</sup>.

4.3.5. Trạm y tế xã Bình Sơn, huyện Lục Nam (sử dụng thiết kế lặp lại công trình Trạm y tế xã Chu Điện, huyện Lục Nam):

- Công trình được thiết kế theo tiêu chuẩn công trình dân dụng cấp III, diện tích sàn khoảng 450m<sup>2</sup>. Mặt bằng nhà có hình chữ nhật có kích thước cạnh dài 30,6m, cạnh ngắn 10,2m (tính cả sảnh rộng 3m); bước gian 3,6m, 3,3m, khẩu độ 5,4m; hành lang rộng 1,8m; tầng 1, 2 cao 3,6m, mái cao 1,8m; tổng chiều cao tới đỉnh mái là 9,45m (tính từ nền sân hoàn thiện). Kết cấu móng đơn BTCT, hệ khung BTCT chịu lực (cột, dầm, sàn); tường xây gạch bê tông không nung vữa xi măng; cửa đi, cửa sổ dùng cửa nhôm hệ, kính an toàn dày 6,38mm; nền nhà lát gạch kích thước 600x600mm, khu vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước 300x300mm, tường ốp gạch men kính 300x600; tường, cột, dầm, trần trát VXM; mái lớp tôn, xà gồ thép, hoàn thiện sơn 3 nước. Thiết kế hệ thống cấp điện, internet, chống sét, cấp thoát nước, chống mối, điều hòa, hệ thống điện nhẹ (internet, camera), PCCC... đồng bộ hoàn chỉnh.

- Các hạng mục phụ trợ: Phần sân đổ sân bê tông có diện tích khoảng 572m<sup>2</sup>; phần sân, đường nội bộ lát gạch gồm 500x500mm có diện tích khoảng 520m<sup>2</sup>, xây dựng công, tường rào, hạ tầng kỹ thuật (hệ thống cấp thoát nước, khuôn viên cây xanh...), nhà xe diện tích 56m<sup>2</sup>, lò đốt rác diện tích khoảng 1,39m<sup>2</sup>.

4.3.6. Trạm y tế xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên:

- Công trình được thiết kế theo tiêu chuẩn công trình dân dụng cấp III, diện tích sàn khoảng 377m<sup>2</sup>. Mặt bằng nhà hình chữ nhật có kích thước cạnh dài 24,3m, cạnh ngắn 10,2m (tính cả sảnh rộng 3m); bước gian 3,6m, 3,3m, khẩu độ

5,4m; hành lang rộng 1,8m; tầng 1, 2 cao 3,6m, mái cao 1,8m, chiều cao tới đỉnh mái là 9,45m (tính từ nền sân hoàn thiện). Kết cấu móng đơn BTCT, hệ khung BTCT chịu lực (cột, dầm, sàn); tường xây gạch bê tông không nung vữa xi măng; cửa đi, cửa sổ dùng cửa nhôm hệ, kính an toàn dày 6,38mm; nền nhà lát gạch kích thước 600x600mm, khu vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước 300x300mm, tường ốp gạch men kính 300x600; tường, cột, dầm, trần trát VXM; mái lớp tôn, xà gồ thép, hoàn thiện sơn 3 nước. Thiết kế hệ thống cấp điện, internet, chống sét, cấp thoát nước, chống mối, điều hòa, hệ thống điện nhẹ (internet, camera), PCCC... đồng bộ hoàn chỉnh.

- Các hạng mục phụ trợ: Sân đỗ sân bê tông có diện tích khoảng 319,82m<sup>2</sup>; phần sân, đường nội bộ lát gạch gồm 500x500mm có diện tích khoảng 469,18m<sup>2</sup>, xây dựng công, tường rào gạch có chiều dài khoảng 44m, hạ tầng kỹ thuật (hệ thống cấp thoát nước, khuôn viên cây xanh...), nhà xe diện tích 56m<sup>2</sup>, lò đốt rác diện tích khoảng 1,39m<sup>2</sup>.

#### 4.3.7. Trạm y tế xã Đại Hóa, huyện Tân Yên:

- Công trình được thiết kế theo tiêu chuẩn công trình dân dụng cấp III, diện tích sàn khoảng 377m<sup>2</sup>. Mặt bằng nhà có hình chữ nhật có kích thước cạnh dài 27,3m, cạnh ngắn 10,2m (tính cả sảnh rộng 3m); bước gian 3,6m, 3,3m, khẩu độ 5,4m; hành lang rộng 1,8m; tầng 1, 2 cao 3,6m, mái cao 1,8m; tổng chiều cao tới đỉnh mái là 9,45m (tính từ nền sân hoàn thiện). Kết cấu móng đơn BTCT, hệ khung BTCT chịu lực (cột, dầm, sàn); tường xây gạch bê tông không nung vữa xi măng; cửa đi, cửa sổ dùng cửa nhôm hệ, kính an toàn dày 6,38mm; nền nhà lát gạch kích thước 600x600mm, khu vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước 300x300mm, tường ốp gạch men kính 300x600; tường, cột, dầm, trần trát VXM; mái lớp tôn, xà gồ thép, hoàn thiện sơn 3 nước. Thiết kế hệ thống cấp điện, internet, chống sét, cấp thoát nước, chống mối, điều hòa, hệ thống điện nhẹ (internet, camera), PCCC... đồng bộ hoàn chỉnh.

- Các hạng mục phụ trợ: Sân đỗ sân bê tông có diện tích khoảng 442,68m<sup>2</sup>; phần sân, đường nội bộ lát gạch gồm 500x500mm có diện tích khoảng 789,45m<sup>2</sup>, xây dựng công, tường rào gạch có chiều dài khoảng 35,6m, hạ tầng kỹ thuật (hệ thống cấp thoát nước, khuôn viên cây xanh...), nhà xe diện tích khoảng 56m<sup>2</sup>, lò đốt rác diện tích khoảng 1,39m<sup>2</sup>.

#### 4.3.8. Trạm y tế xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên (sử dụng thiết kế lặp lại công trình Trạm y tế xã Đại Hóa, huyện Tân Yên):

- Công trình được thiết kế theo tiêu chuẩn công trình dân dụng cấp III, diện tích sàn khoảng 377m<sup>2</sup>. Mặt bằng nhà có hình chữ nhật có kích thước cạnh dài 27,3m, cạnh ngắn 10,2m (tính cả sảnh rộng 3m); bước gian 3,6m, 3,3m, khẩu độ 5,4m; hành lang rộng 1,8m; tầng 1, 2 cao 3,6m, mái cao 1,8m; tổng chiều cao tới đỉnh mái là 9,45m (tính từ nền sân hoàn thiện). Kết cấu móng đơn BTCT, hệ khung BTCT chịu lực (cột, dầm, sàn); tường xây gạch bê tông không nung vữa xi măng; cửa đi, cửa sổ dùng cửa nhôm hệ, kính an toàn dày 6,38mm; nền nhà lát gạch kích thước 600x600mm, khu vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước 300x300mm, tường ốp gạch men kính 300x600; tường, cột, dầm, trần trát

VXM; mái lớp tôn, xà gồ thép, hoàn thiện sơn 3 nước. Thiết kế hệ thống cấp điện, internet, chống sét, cấp thoát nước, chống mối, điều hòa, hệ thống điện nhẹ (internet, camera), PCCC... đồng bộ hoàn chỉnh.

- Các hạng mục phụ trợ: Sân đỗ sân bê tông có diện tích khoảng 116,11m<sup>2</sup>; phần sân, đường nội bộ lát gạch gồm 500x500mm có diện tích khoảng 512,61m<sup>2</sup>, xây dựng cổng, tường rào gạch có chiều dài khoảng 35m, hạ tầng kỹ thuật (hệ thống cấp thoát nước, khuôn viên cây xanh...); nhà xe diện tích 56m<sup>2</sup>, lò đốt rác diện tích khoảng 1,39m<sup>2</sup>.

**5. Tổ chức tư vấn khảo sát xây dựng, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi:**  
Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng Bắc Giang.

**6. Địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất:**

- Địa điểm thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng trên khu đất hiện nay của 08 trạm Y tế: Trạm y tế xã Phượng Sơn, Trạm y tế xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn; Trạm y tế xã Chu Điện, Trạm y tế xã Lan Mẫu, Trạm y tế xã Bình Sơn, huyện Lục Nam; Trạm y tế xã Ngọc Châu, Trạm y tế xã Đại Hóa, Trạm y tế xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên.

- Diện tích sử dụng đất: Khoảng 17.066,2 m<sup>2</sup>.

**7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:**

- Nhóm dự án, loại và cấp công trình: Dự án nhóm C; Công trình dân dụng, cấp III.

- Thời hạn sử dụng của công trình chính: Từ 20 đến 50 năm.

**8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:**

8.1. Số bước thiết kế: 02 bước.

8.2. Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Quy chuẩn QCVN 10:2014/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng.

- QCVN 06 : 2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình;

- TCVN 7022:2002 về Trạm y tế cơ sở - Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 2737:1995 Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 10304:2014 Móng cọc - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9379:2012 Kết cấu xây dựng và nền. Nguyên tắc cơ bản về tính toán;

- TCVN 9362:2012 Tiêu chuẩn thiết kế - Nền, nhà và công trình;

- TCVN 5574:2018 Kết cấu bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 5573:2011 Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

- Quy chuẩn QCVN 12:2014/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Hệ thống điện của nhà ở và nhà công cộng;

- Quy chuẩn QCVN 09:2017/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình sử dụng năng lượng hiệu quả;

- TCVN 9888 :2013 Bảo vệ chống sét - Phần 1,2,3,4;
- TCVN 9207:2012 Tiêu chuẩn thiết kế lắp đặt đường dẫn điện trong nhà;
- TCVN 9206:2012 Tiêu chuẩn thiết kế lắp đặt thiết bị điện trong nhà;
- TCVN 7957: 2008 Tiêu chuẩn thiết kế thoát nước - Mạng lưới bên ngoài công trình;
- TCXDVN 33:2006 Tiêu chuẩn thiết kế cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình;
- TCVN 4513: 1988 Cấp nước bên trong. Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 4474: 1987 Thoát nước bên trong. Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCXDVN 2622:1995 Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế;
- Quyết định số 4667/QĐ-BYT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến 2020;
- Quyết định số 2271/QĐ-BYT ngày 17/6/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành tiêu chuẩn thiết kế trạm y tế cơ sở - tiêu chuẩn ngành;
- Quyết định số 6070/QĐ-BYT ngày 08/10/2018 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn bố trí không gian và các phòng chức năng cho trạm y tế mô hình điểm;
- Thông tư số 32/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn thiết kế trạm y tế xã, phường, thị trấn;
- Các tiêu chuẩn khác có liên quan.

### **9. Tổng mức đầu tư; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư**

Tổng mức đầu tư: **44.940.000.000 đồng** (*Bốn mươi bốn tỷ, chín trăm bốn mươi triệu đồng*).

Trong đó:

Chi phí xây dựng:	35.143.378.000	đồng
Chi phí thiết bị:	1.600.000.000	đồng
Chi phí QLDA:	1.022.627.000	đồng
Chi phí tư vấn ĐTXD:	2.282.199.000	đồng
Chi phí khác:	268.138.000	đồng
Chi phí dự phòng:	4.623.658.000	đồng

### **10. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2023-2024.**

### **11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:**

a) Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn đầu tư ngân sách Trung ương từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội: 44.000 triệu đồng.
- Vốn ngân sách tỉnh: 940 triệu đồng.

b) Dự kiến bố trí kế hoạch vốn (theo thuyết minh dự án):

Năm	Vốn Ngân sách Trung ương và Vốn Ngân sách tỉnh (triệu đồng)	Tỷ lệ cho từng năm
Năm 2023	44.940	100% Tổng mức đầu tư
<b>Tổng số:</b>	<b>44.940</b>	<b>100% Tổng mức đầu tư</b>

**12. Hình thức tổ chức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

**13. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:** Dự án không phải thực hiện giải phóng mặt bằng.

**14. Các nội dung khác:** Theo Tờ trình số 50/TTr-SXD ngày 17/3/2023 của Sở Xây dựng.

**Điều 2.**

- Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và nội dung hồ sơ dự án, đồng thời có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

- Sở Xây dựng chịu trách nhiệm trong công tác thẩm định hồ sơ dự án đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của nhà nước.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Sở Y tế; Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Bắc Giang; UBND các huyện: Lục Ngạn, Lục Nam và Tân Yên, các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
  - + LĐVP, TH, TKCT, KG-VX;
  - + Lưu: VT, XD<sup>Tuán</sup>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Mai Sơn**